

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/HSST**
Ngày: 14/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Tấn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Ky

- Ông Dương Khắc Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- **Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:** ông Trương Vĩnh Vinh -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/HSST ngày 05/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐST-HS ngày 31/7/2020, đối với bị cáo:

Trương Văn C; sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Thuận; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí C, huyện T, Bình Thuận; nghề nghiệp: làm biển; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Q và bà: Mai Thị T; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; quá trình hoạt động nhân thân: ngày 19/4/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn Phan Rí C) áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 6 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 19/10/2019 chấp hành xong; ngày 26/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (hiện chưa chấp hành). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Nguyễn Thành V, sinh năm 1979; trú tại: khu phố Phú Hải, thị trấn Phan Rí C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. Lê T, sinh năm 1963; trú tại: khu phố Phú Tân, thị trấn Phan Rí C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Mai Thị T, sinh năm 1985; trú tại: khu phố Phú Thủy, thị trấn Phan Rí C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. Mai Thị T1, sinh năm 1973; trú tại: khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

3. Huỳnh Văn L, sinh năm 1991; trú tại: thôn Thái Hiệp, xã Hồng Thái, huyện B, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 22/02/2020 Trương Văn C, sinh năm 1994 trú tại khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí C, huyện T điều khiển xe đạp điện chạy ngang qua quán bán đồ ăn sáng tại khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí C, huyện T. C nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter biển số 86B2 – 307.43 của Nguyễn Thành V đang dừng ở lề đường có cắm chìa khóa sẵn trên ổ khóa xe nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cho cá nhân. C điều khiển xe đạp điện về nhà rồi đi bộ quay lại quán bán đồ ăn sáng tại khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí C, huyện T quan sát thấy không có ai trông coi xe. C lén lút đi đến ngồi lên yên xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 khoảng vài phút thấy không có ai phản ứng gì nên bật chìa khóa nổ máy xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 chạy về hướng cầu Sông Lũy. Mai Thị T đang cho con ăn sáng gần nơi dừng xe của V nhìn thấy C trộm cắp xe mô tô nên báo tin cho V biết, V làm đơn trình báo Công an thị trấn Phan Rí C.

C điều khiển xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 đến nhà người quen tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1983 trú tại xã Hồng Thái, huyện B nhờ bán dùm xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 nhưng không gặp H nên C nhờ người quen gọi điện thoại cho H thì H hẹn gặp C tại khu vực đường ray xe lửa thuộc xã Phan Thanh, huyện B. C đến đứng chờ thì được người tên Tín (không rõ lai lịch) điều khiển xe mô tô đón đến nhà Huỳnh Văn L, sinh năm 1991 trú tại thôn Thái Hiệp, xã Hồng Thái, huyện B. Tại đây C gạ bán xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 giá 15.000.000 đồng, H hỏi Tín và Lân có nhu cầu mua xe không thì Tín trả giá và thống nhất mua 8.000.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 bỏ đi. C nhận tiền xong cho lại H 1.000.000 đồng rồi nhờ H điều khiển xe mô tô chở đến Chợ Lầu, huyện B để C đón xe về lại thị trấn Phan Rí C, C đến khu vực Đa khoa Phan Rí C mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết 1.050.000 đồng.

Khi V biết được C là người đã trộm cắp xe mô tô của V nên đi tìm gặp C tại nhà cha mẹ ruột của C, C đã trả lại cho V số tiền 5.950.000 đồng do bán xe trộm cắp mà có.

Khoảng 11 giờ ngày 23.02.2020 C đưa V đến nhà của Lân nhờ Lân liên lạc với Tín để chuộc lại xe mô tô của V. Giữa T và V thỏa thuận giá chuộc lại xe mô tô biển số 86B2 – 307.43 là 11.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày V đến gặp Lân cả hai đến điểm hẹn cách nhà Lân khoảng 2km gặp một thanh niên đeo khẩu trang yêu cầu đưa tiền mới giao xe. V lấy 5.950.000 đồng do C đưa trước đó với 2.050.000 đồng tiền của V đưa cho người thanh niên, người này yêu cầu đưa thêm 3.000.000 đồng nữa nhưng V không đồng ý yêu cầu khi giao xe mới đưa đủ tiền. Sau đó Lân liên lạc với Tín thì Tín hẹn đến địa điểm mới cách địa điểm cũ khoảng 2km, V và Lân đến nơi thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter không có biển số, V kiểm tra số khung, số máy thấy phù hợp với xe mô tô của V bị mất trộm nên giao nộp cho Công an thị trấn Phan Rí C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 09.3.2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: xe mô tô 02 bánh hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, dung tích 149, trị giá 45.500.000 đồng/chiếc x 60% = 27.300.000 đồng.

Trong thời gian đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, khoảng 9 giờ ngày 12/5/2020 do không có tiền mua ma túy sử dụng C nảy sinh ý định đến Miếu Âm Linh thuộc khu phố Phú Tân, thị trấn Phan Rí C, huyện T trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài. C lấy tại nhà 01 cây búa dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ, đầu bằng sắt rồi điều khiển xe đạp điện đến Miếu Âm Linh, thấy không có người trông coi, C mở cửa cổng dắt xe đạp điện vào trong sân. Do cửa chính của Miếu đã khoá nên C lấy búa đập nhiều cái vào ổ khoá làm ổ khoá bung ra. C mở cửa vào trong Miếu quan sát thấy 01 chiêng bằng đồng màu vàng đen đường kính 50cm treo bên phải Miếu, 01 chuông

bằng đồng màu vàng đồng đường kính 8 cm, cao 7cm để ở bệ thờ bên phải Miếu, 01 chuông đồng màu vàng đồng đường kính 13cm, cao 11cm để ở bệ thờ chính giữa Miếu (theo hướng từ ngoài nhìn vào) do Lê T là người bảo vệ Miếu trông coi, quản lý. C lấy 3 tài sản này bỏ vào trong bao tìm được ở Miếu rồi để lên chỗ để chân của xe đạp điện còn búa để ở giỏ trước chạy về thị trấn Phan Rí C tìm nơi thu mua phế liệu để bán, trên đường đi cây búa bị rơi mất lúc nào không rõ. C điều khiển xe đạp điện đến đường Quang Trung thuộc khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí C, huyện T thì bị tổ tuần tra Công an thị trấn Phan Rí C, huyện T phát hiện đưa C về trụ sở làm việc, C khai nhận toàn bộ hành động trộm cắp tài sản nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 25/5/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

- 01 cái chiêng bằng đồng màu vàng đen, hình tròn đường kính 50cm: 1.100.000 đồng/cái x 50% = 550.000 đồng.

- 01 cái chuông bằng đồng màu vàng đồng, hình tròn đường kính 8cm, cao 7cm: 200.000 đồng/cái x 80% = 160.000 đồng.

- 01 cái chuông bằng đồng màu vàng đồng, hình tròn đường kính 13cm, cao 11m: 100.000 đồng/cái x 80% = 80.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 790.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS-TP, ngày 05/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Trương Văn Cương, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đồng thời áp dụng điểm b, i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án và phần bồi thường dân sự: sau khi định giá, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter biển số 86B2 – 307.43 cho Nguyễn Thành V và gia đình của C đã bồi thường thêm số tiền 6.300.000 đồng; trả 01 chiêng bằng đồng màu vàng đen đường kính 50cm, 01 chuông bằng đồng màu vàng đồng đường kính 8 cm, cao 7cm, 01 chuông đồng màu vàng đồng đường kính 13cm, cao 11cm cho Lê T. V và Thanh không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

Đối với Huỳnh Văn L không biết xe mô tô 86B2 – 307.43 do C trộm cắp mà có để bán cho Tín nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Xuân H từ khi xảy ra sự việc đến nay không có mặt tại địa phương, đối tượng tên Tín chưa rõ lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có đủ cơ sở khẳng định các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 8 giờ ngày 22/02/2020 Trương Văn C đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 86B2 - 307.43 của Nguyễn Thành V trị giá 27.300.000 đồng và khoảng 9 giờ ngày 12/5/2020 C lại lén lút lấy trộm 3 cái chuông tại Miếu Âm Linh trị giá 790.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã trộm cắp tài sản hai lần là 28.090.000 đồng. Vì vậy, bản cáo trạng số: 59/CT-VKS-TP, ngày 05/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Trương Văn C, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là hoàn toàn đúng và có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trương Văn C là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thừa biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền mà không do sức lao động của mình làm ra, bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản đã hai lần lén lút trộm cắp tài sản tổng cộng là 28.090.000 đồng. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật hình sự Việt Nam.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: bị cáo Trương Văn C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, nhưng chỉ có một lần có giá trị trên 2.000.000 đồng nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo Trương Văn C đã thành khẩn khai báo, đã đưa lại số tiền bán xe mô tô trộm cắp và bồi thường số tiền thỏa đáng cho người bị hại Nguyễn Thành V và tài sản đã được thu hồi trả lại cho Lê T, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ khi lượng hình phạt. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 19/4/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú (nay là thị trấn Phan Rí C) áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 6 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 19/10/2019 chấp hành xong; ngày 26/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (hiện chưa chấp hành). Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

T tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử quyết định giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Sau khi định giá, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter biển số 86B2 – 307.43 cho Nguyễn Thành V và gia đình của C đã bồi thường thêm số tiền 6.300.000 đồng; trả 01 chiếc bằng đồng màu vàng đen đường kính 50cm, 01 chuông bằng đồng màu vàng đồng đường kính 8 cm, cao 7cm, 01 chuông đồng màu vàng đồng đường kính 13cm, cao 11cm cho Lê T. Việt và Thanh không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

[6] Về sự vắng mặt của người bị hại và các đối tượng liên quan: người bị hại Trương Văn C và Nguyễn Thành V đã nhận tài sản và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

Về đối tượng liên quan: đối với Huỳnh Văn L không biết xe mô tô 86B2 – 307.43 do C trộm cắp mà có để bán cho Tín nên không xem xét xử lý. Đối với Nguyễn Xuân H từ khi xảy ra sự việc đến nay không có mặt tại địa phương, đối tượng tên Tín chưa rõ lai lịch nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

2. Tuyên bố: bị cáo **Trương Văn C** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

3. Xử phạt: bị cáo Trương Văn C **15** (mười lăm) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt (ngày 12/5/2020).

4. Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2020). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện
- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo, bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Võ Tấn Sinh